FUJITON®

“ブランドと品質へのこだわり”

“ Cam kết chất lượng và đẳng cấp”

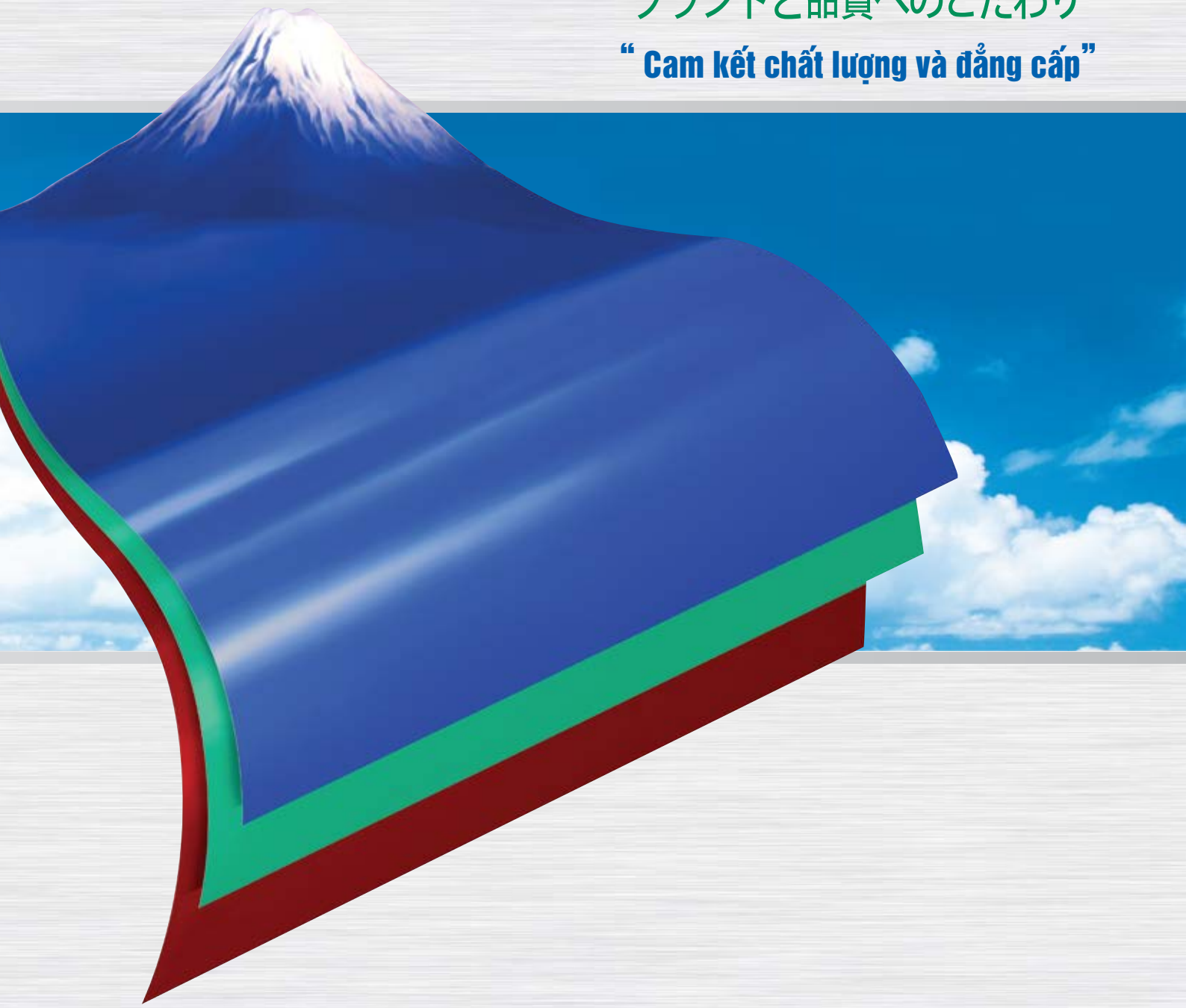

TÔN NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM

Japanese Steel Sheet in Vietnam

www.fujiton.vn

MỤC LỤC
Contents

GIỚI THIỆU 03
Introduction

NHÀ MÁY SẢN XUẤT 04 - 05
Factory

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM 06 - 07
Products

NHÃN HIỆU CAO CẤP 08 - 09
FUJITON – Premium / Brand of Highest Quality

NHÃN HIỆU CHẤT LƯỢNG 10 - 11
FUJITON – Super / Brand of High Quality

NHÃN HIỆU TIÊU CHUẨN 12 - 13
FUJITON – Standard / Brand of Standard Quality

TÍNH NĂNG 14
Characters

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT 15
Technical Features

THẬN TRỌNG 16 - 17
Precautions

CHỨNG NHẬN & GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG 18
Quality Awards and Certificates

LIÊN HỆ 19
Contact

FUJITON®
TÔN NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM

GIỚI THIỆU
Introduction

Công ty Cổ phần Tôn mạ màu FUJITON (FUJITON JSC) là doanh nghiệp liên doanh giữa Tập đoàn Marubeni Itochu (Nhật Bản), Công ty cổ phần Tập đoàn TONMAT và Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xanh (Việt Nam).

FUJITON JSC sử dụng dây chuyền công nghệ nhập khẩu đồng bộ từ Nhật Bản, với sự quản lý - điều hành và đào tạo kỹ thuật - công nghệ của các cổ đông Nhật bản ngay từ ngày thành lập, đảm bảo cung cấp sản phẩm tôn cuộn mạ màu chất lượng chuẩn Nhật Bản tại Việt Nam.

Fujiton Color Coating Steel Joint Stock Company (FUJITON JSC) is a joint-venture enterprise between Marubeni-Itochu Corp from Japan with Tonmat Group and Vietnam Green Material One-member Company Limited from Vietnam. Possession of high technology and complete production line imported from Japan, under the Japanese shareholders' management and technical training from the date of establishment, FUJITON JSC commits to provide color coating steel sheets in conformity with Japanese Standards in Vietnam.

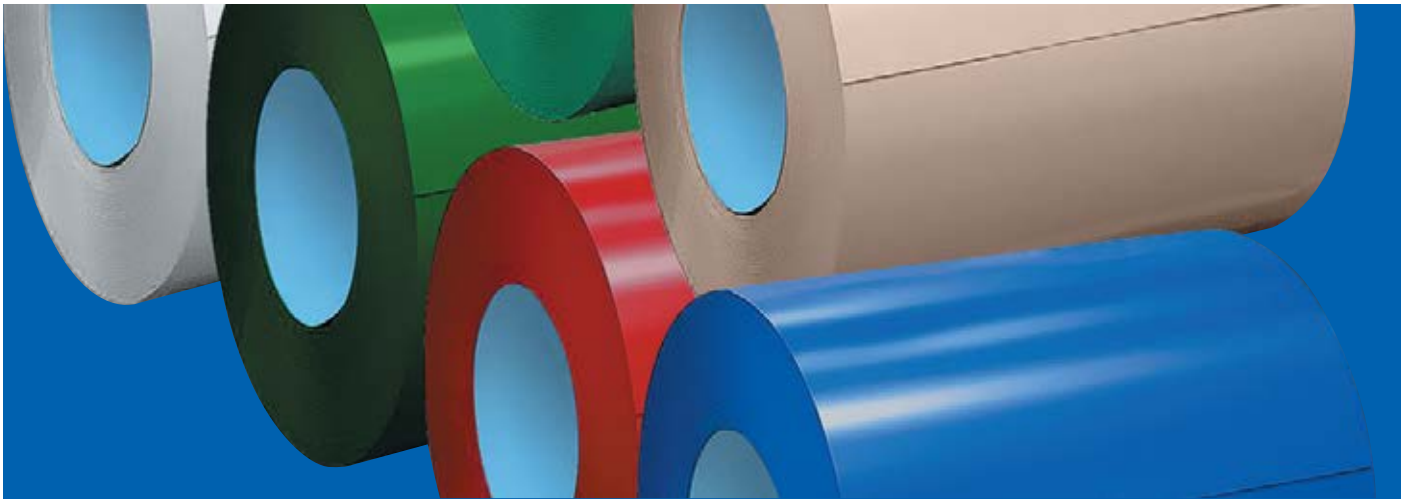

NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Factory

SẢN PHẨM
Products

CẤU TRÚC SẢN PHẨM *Product Structure*

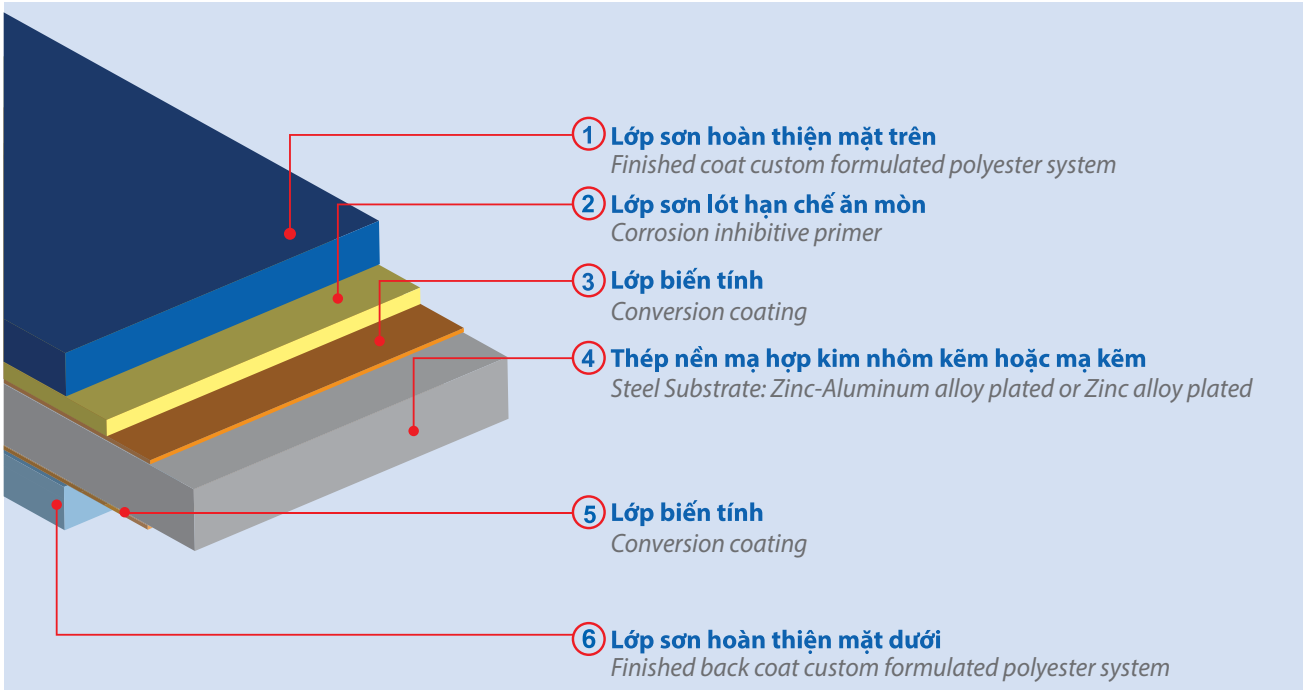

NHẬN BIẾT SẢN PHẨM FUJITON CHÍNH HÃNG

Recognizing Fujiton's genuine products

- Quy cách đóng gói cuộn tôn */ Packing standard*

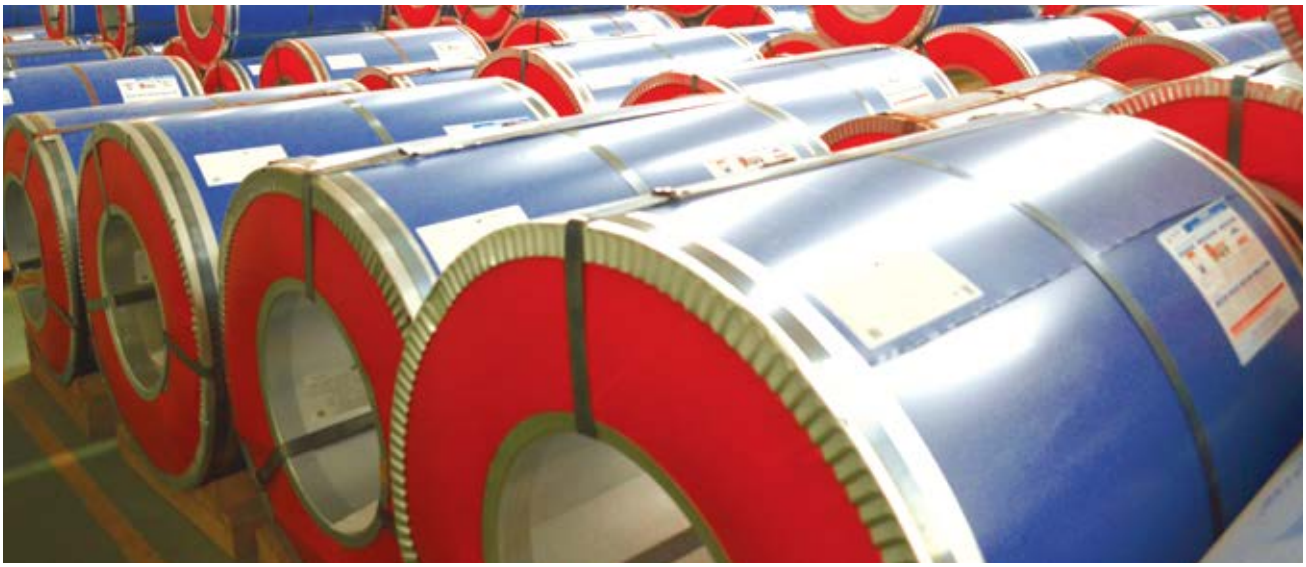

- Chữ điện tử trên bề mặt tôn */ Electronic digits on the surface sheet*

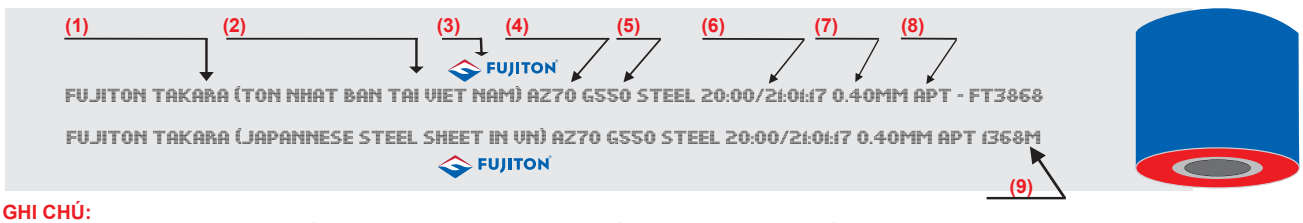

GHI CHÚ:

(1): Chủng loại, (2): Slogan tiếng Việt, (3):Logo, (4) Loại thép nền, (5): Độ cứng thép nền,
(6): Giờ: Phút/Ngày: tháng : năm SX, (7): Độ dày, (8): Mã cuộn, (9): Số mét dài.

NOTE:

(1): Type of product, (2): Vietnamese Slogan, (3): Logo, (4): Type of substrate, (5): Substrate hardness
(6): Hour: Minute/Date: Month: Year of Production, (7):Thickness, (8): Mark of steel coil, (9): Length (m).

FUJITON PREMIUM

NHÃN HIỆU CAO CẤP - BRAND OF HIGHEST QUALITY

FUJITON Premium: Sản phẩm tôn cuộn mạ hợp kim nhôm kẽm, mạ màu cao cấp của FUJITON JSC.

FUJITON Premium: Sử dụng thép nền nhúng nóng mạ hợp kim nhôm kẽm có độ phủ lớp mạ trên 150g/m^2 (AZ150).

Hai lớp sơn mặt trên có độ dày 20 µm
Hai lớp sơn mặt dưới có độ dày 8 µm

Ứng dụng điển hình: FUJITON Premium với độ bền vượt trội, phù hợp với các công trình xây dựng và kiến trúc có tính thẩm mỹ cao.

FUJITON Premium: *A premium steel sheet made of Zinc-Aluminum alloy plated color coated and produced by Fujiton.*

FUJITON Premium: *FUJITON's product using Zinc-Aluminum alloy hot dipped galvanized steel base with density of 150g/m^2 (AZ150).*

Two top coating layers with thickness of 20 µm
Two back coating layers with thickness of 8 µm

Typical applications: *Thanks to its outstanding durability, FUJITON Premium is suitable for construction works and architecture of high aesthetics.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN MẠ MÀU FUJITON
FUJITON COLOR COATING STEEL JSC

ỨNG DỤNG ĐIỂN HÌNH *Typical applications*

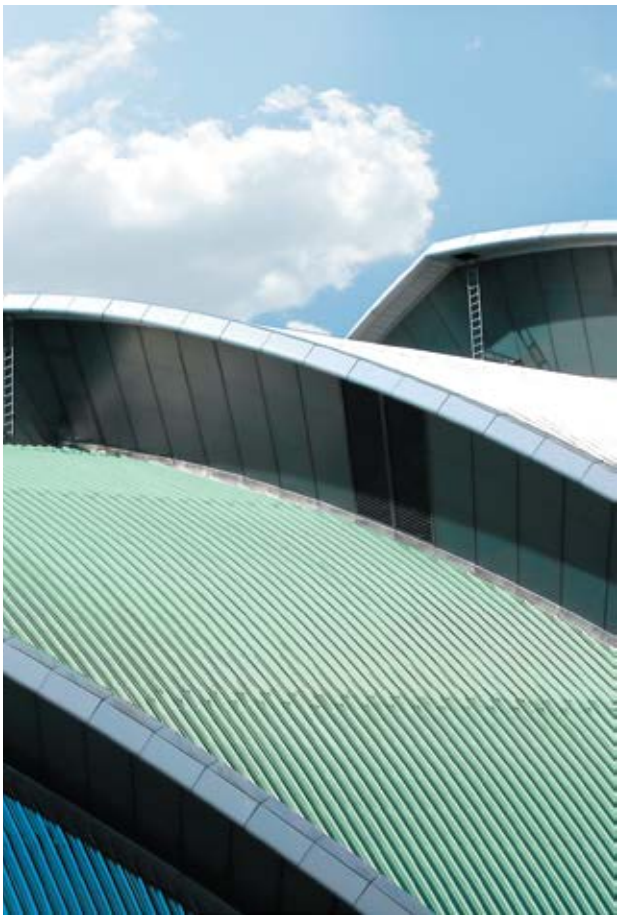

FUJITON SUPER

NHÃN HIỆU CHẤT LƯỢNG - BRAND OF HIGHEST QUALITY

FUJITON Super: Sản phẩm chất lượng của FUJITON JSC sử dụng thép nền nhúng nóng mạ hợp kim nhôm kẽm có độ phủ trên 100g/m^2 (AZ100).

Hai lớp sơn mặt trên có độ dày 16 µm
Hai lớp sơn mặt dưới có độ dày 8 µm

Ứng dụng điển hình: FUJITON Super có độ bền cao, phù hợp với các công tình nhà xưởng công nghiệp.

FUJITON Super: *FUJITON's product using Zinc-Aluminum alloy hot dipped galvanized steel base with coating density of 100g/m^2 (AZ100).*

Two top coating layers with thickness of 16 µm
Two back coating layers with thickness of 8 µm

Typical applications: *Thanks to its high durability, FUJITON Super is suitable and used for industrial buildings.*

ỨNG DỤNG ĐIỂN HÌNH *Typical applications*

FUJITON STANDARD

NHÃN HIỆU TIÊU CHUẨN - BRAND OF STANDARD QUALITY

FUJITON Standard: Sản phẩm tiêu chuẩn với các dòng sản phẩm:

FUJITON Standard AZ70 và AZ50: Sử dụng thép nền nhúng nóng mạ hợp kim nhôm kẽm có độ phủ lớp mạ trên 70g/m² đối với AZ70 và trên 50g/m² đối với AZ50.

Hai lớp sơn mặt trên có độ dày 12 µm
Lớp sơn mặt dưới có độ dày 5 µm

Ứng dụng điển hình: FUJITON Standard phù hợp với các giải pháp vật liệu ốp, lợp, bao che cho các công trình dân dụng.

FUJITON Standard: *With standard product lines:*

FUJIITON Standard AZ70 and AZ50: Using Zinc Aluminum alloy hot dipped galvanized steel base with coating density of 70g/m² (AZ70) and 50g/m² (AZ50).

Two top coating layers with thickness of 12 µm
Back coating layer with thickness of 5 µm

Typical applications: *Standard products are widely used as cladding, roofing and covering material in civil works.*

ỨNG DỤNG ĐIỂN HÌNH *Typical applications*

CHARACTERS

Features

Tôn mạ màu FUJITON được sản xuất theo tiêu chuẩn công nghệ Nhật Bản JIS G 3322 / JIS G 3312 và hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

FUJITON color coating steel sheet is produced referring to Japanese technical Standard JIS G 3322 / JIS G 3312 and to the Quality Management System ISO 9001:2015.

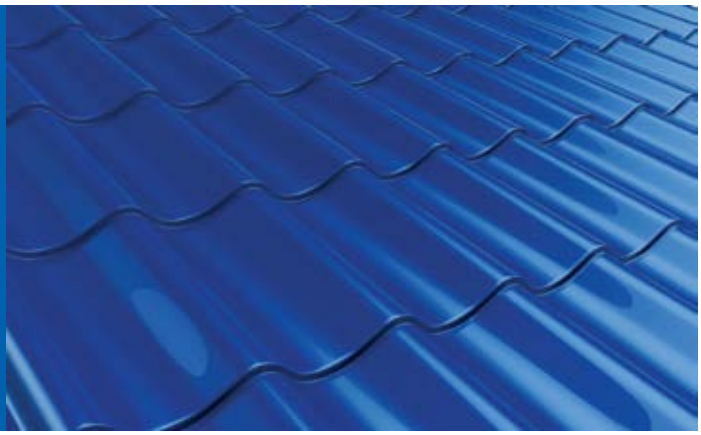

ĐỘ BỀN CAO
High Durability

Với nguyên liệu sử dụng thép nhúng nóng mạ hợp kim nhôm kẽm/ mạ kẽm, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ nhập khẩu đồng bộ từ Tập đoàn NISC – Nhật Bản, sản phẩm tôn mạ màu FUJITON có độ bền vượt trội nhờ cấu tạo lớp mạ kim nhôm kẽm và lớp sơn phủ là sơn có công thức Polyester.
Tôn mạ màu FUJITON thích ứng với mọi điều kiện khắc nghiệt của tự nhiên và các yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn kỹ thuật của các công trình.

With material using hot dipped galvanized steel base, produced on advance technology and synchronized production line imported from NISC - Japan, FUJITON products having exceptional durability due to Zinc - Aluminum alloy hot dipped galvanized steel structure and color coated layer using polyester formulated paint. FUJITON color coated steel sheet is adapted with any extreme weather conditions and all strict requirements of the technical standard.

ĐỘ UỐN TỐT
Easy Forming

Các kim loại nói chung thường có độ cứng lớn và khó khăn trong việc tạo hình, uốn cong. Nhưng đối với sản phẩm tôn mạ màu FUJITON với việc sử dụng thép nền G350 và G550 có cấu tạo đặc biệt nên dễ dàng uốn cong, tạo hình đa dạng làm tăng tính thẩm mỹ và phù hợp với mọi địa hình, kết cấu của công trình.

Metals generally have high stiffness and make it difficult forming or bending process, but FUJITON color coated steel sheet using G350 and G550 steel base having special structure to make it easy to be formed in diversified forms to create more aesthetic and being suited with all structures and forms of works.

THẨM MỸ CAO
High Aesthetic

Với màu sắc đa dạng, bề mặt sáng, bóng, sản phẩm tôn mạ màu FUJITON có tính thẩm mỹ cao phù hợp với mọi loại công trình.

With various colors, shining and bright surface, Fujiton color coated steel sheet having higher aesthetics and being fit for different type of buildings.

MUA BÁN THUẬN TIỆN
Easy to Purchase

Sản phẩm tôn mạ màu FUJITON được phân phối bởi hệ thống bán hàng chuyên nghiệp. Chúng tôi có đầy đủ năng lực để đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

Fujiton color coated steel sheets are widely distributed by our professional sales network. We're in a position to meet all customers' requirements.

THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG
Environment Friendly

Ngoài các tiêu chuẩn về chất lượng, sản phẩm tôn mạ màu FUJITON được sản xuất đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn môi trường ISO 14001 – 2010. Tôn mạ màu Fujiton – sản phẩm thân thiện với môi trường.

Besides quality standards, Fujiton color coated steel sheets are manufactured in conformity to the environment standard ISO 14001-2010. Fujiton color coating steel sheet, an environment friendly product.

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
Technical Features

THÉP NỀN *Steel Subtrate*

PHÂN LOẠI *Classification*	GIỚI HẠN CHẢY *Yield strength (N/nm²)*	ĐỘ BỀN KÉO *Tensile Strength (N/nm²)*	ĐỘ GIÃN DÀI *Elongation (%)*	TIÊU CHUẨN *Reference Standard*	
				JIS G 3321	TCVN 7470
G 350	300min.	350min.	20%	(SGLC400)*1)	G 350
G 550	550min.	550min.	2%	(SGLC570)*2)	G 550

*1) Thông số kỹ thuật của SGLC400 là như G300 nhưng hơi khác về giới hạn tan chảy và độ bền kéo/ *Technical features of SGLC400 are same as G300 but different in Yield Strength and Tensile Strength.*
*2) Thông số kỹ thuật của SGLC570 bao gồm các đặc điểm kỹ thuật của G570 loại trừ độ dãn dài/ Technical features of SGLC570 include technical features of G570 except extension strength.

ĐỘ PHỦ LỚP MẠ *Coating mass*

NHÃN HIỆU SẢN PHẨM *Product Brand*	KÝ HIỆU LỚP MẠ *Marking of coating mass*		ĐỘ PHỦ THÔNG THƯỜNG (G/M²) *Nominal coating mass (g/m²)*		TIÊU CHUẨN *Standard*
			Trung bình ba điểm *Average of triple points*	Một điểm *Single point*	
FUJITON PREMIUM	PPGL	AZ150	150	130	JIS G 3321
FUJITON SUPER	PPGL	AZ100	100	85	
FUJITON STANDARD	PPGL	AZ70	70	60	
	PPGL	AZ50	50	40	

ĐỘ DÀY TƯƠNG ĐƯƠNG *Equivalent coating thickness*

Ký hiệu lớp mạ *Marking of coating mass*	AZ150	AZ100	AZ70	AZ50	AZ12	Z08
Độ dày tương đương (mm) *Equivalent coating thickness (mm)*	0.046	0.035	0.024	0.016	0.020	0.014

ĐỘ DÀY LỚP MẠ MÀU *Color coating thickness*

NHÃN HIỆU SẢN PHẨM *Product Brand*	MẠ MÀU MẶT TRÊN *Top color coating*	MẠ MÀU MẶT DƯỚI *Back color coating*
FUJITON PREMIUM	20µm - 25µm	5µm - 8µm
FUJITON SUPER	15µm - 20µm	5µm - 8µm
FUJITON STANDARD	12µm - 15µm	5µm - 8µm

ĐỘ DÀY VÀ KHỔ RỘNG *Thickness and Width*

NHÃN HIỆU SẢN PHẨM *Product Brand*	ĐỘ DÀY *Thickness (mm)*	KHỔ RỘNG *Width (mm)*	DUNG SAI KHỔ RỘNG *Width tolenrance (mm)*	KÝ HIỆU LỚP MẠ *Marking of coating mass*
FUJITON PREMIUM	*APT: 0.30 ÷ 1.60 **BMT: 0.25 ÷ 0.80	610 ÷ 1219 (t ≤ 1.10mm) 610 ÷ 762 (1.10 < t ≤ 1.60mm	+ 7mm / - 0mm	AZ150
FUJITON SUPER	APT: 0.25 ÷ 1.10	1200		AZ100
FUJITON STANDARD	APT: 0.25 ÷ 0.50	1200		AZ70 / AZ50

*APT: Độ dày sau khi mạ / *APT: After Paint Thickness ** BMT: Độ dày thép nền / **BMT: Base Metal Thickness

DUNG SAI ĐỘ DÀY *Thickness tolerance*

ĐỘ DÀY THÔNG THƯỜNG (mm) *Nominal thickness (mm)*	DUNG SAI ĐỘ DÀY / *Thickness tolerance (mm)*	
	PPGL	PPGI
t < 0.25	+ 0.08 / - 0.04	+ 0.08 / - 0.03
0.25 ≤ t < 0.40	+ 0.09 / - 0.05	+ 0.09 / - 0.04
0.40 ≤ t < 0.60	+ 0.10 / - 0.06	+ 0.10 / - 0.05
0.60 ≤ t < 0.80	+ 0.11 / - 0.07	+ 0.11 / - 0.06
0.80 ≤ t < 1.00	+ 0.012 / - 0.08	------
1.00 ≤ t < 1.25	+ 0.13 / - 0.09	------
1.10 ≤ t < 16. (Khổ rộng / Width < 762mm)	+0.15 / - 0.11	------
Tiêu chuẩn / Reference Standard	JIS G 3322	JIS G 3312

THẬN TRỌNG
Precautions

1. CẨN THẬN TRƯỢT NGÃ KHI THI CÔNG
Be careful not to slip down during installation

Do bề mặt tấm tôn nhẵn, khi thi công trên các công trình có độ dốc cao rất dễ xảy ra trơn trượt, vì vậy Nhà sản xuất khuyến cáo nên thực hiện các biện pháp an toàn để ngăn chặn tai nạn có thể xảy ra.

Due to the smooth surface of steel sheet, it is recommended that while working on the construction work with high slope, workers should pay attention to take all safety measures to avoid accidents.

2. CẨN THẬN TRÁNH LÀM HỎNG SẢN PHẨM KHI THI CÔNG
Be careful not to damage the product while working

Có thể xảy ra ăn mòn gây thiệt hại cho sản phẩm khi đi giầy dính bùn, hóa chất lên bề mặt sản phẩm hoặc bề mặt bị xước trong quá trình thi công. Vì vậy hãy cẩn thận không làm xước hoặc để bám dính các hóa chất có hại lên bề mặt sản phẩm.

Product can be damaged if contacting shoes with mud or chemicals, surface of product also can be damaged if being scratched while working. It is recommended avoiding to contact with hazardous chemicals on surface of products.

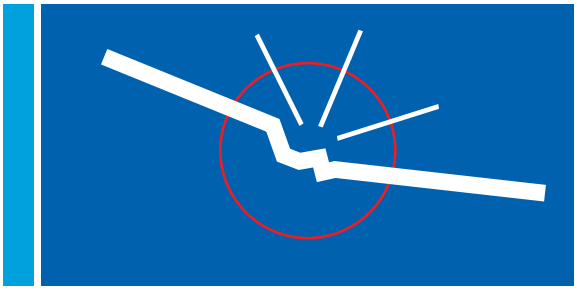

3. ĐẢM BẢO KHOẢNG TRỐNG GIỮA TƯỜNG VÀ SẢN PHẨM
Ensure to have a space between walls and products

Nếu không có khoảng cách giữa vách tường và tấm tôn, nước có thể dễ dàng tràn cạnh và gây ra sự ăn mòn từ cạnh của sản phẩm. Vì lý do đó, cần đảm bảo khoảng cách xấp xỉ 10mm giữa các bức tường và tấm tôn.

If having no space between wall and steel sheet, water can be easily overflowed and penetrated to cause corrosion of product. For the reason of this, ensure having a space of about 10mm between walls and products.

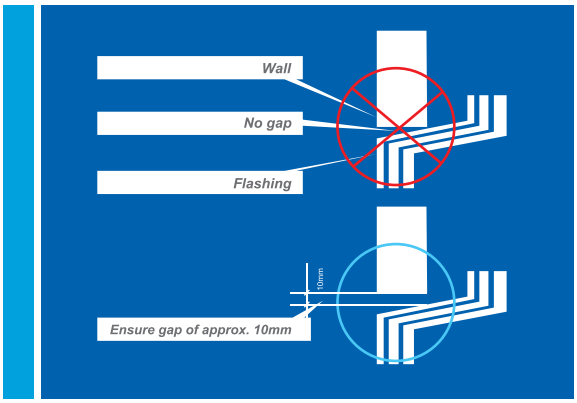

4. TRÁNH TIẾP XÚC VỚI BÊ TÔNG
Avoid to contact with concrete

Sự rò rỉ nước tại các điểm tiếp xúc với bê tông có thể tạo ra chất kiềm có tính oxi hóa mạnh làm hòa tan lớp mạ của sản phẩm. Vì vậy cần phải cách ly bê tông và đảm bảo một cấu trúc để ngăn chặn sự rò rỉ nước mưa, nước ngưng tụ v.v...

Leakage of water at point of contacting with concrete may create strongly oxidized alkali that may solubilize the coating of product. It's necessary to separate concrete and to prevent water leakage and condensation.

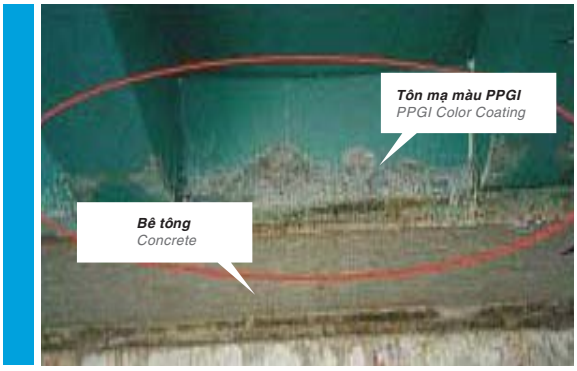

5. CẨN THẬN TRÁNH SỰ ĂN MÒN SẢN PHẨM DO TIẾP XÚC VỚI GỖ ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ HÓA CHẤT

Protect product corrosion by contacting of chemical treated wood

Các vật liệu làm từ gỗ thường được xử lý hóa chất để chống mục nát hay mối mọt nhằm tăng tuổi thọ của gỗ. Khi sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với những loại gỗ này có thể xảy ra hiện tượng ăn mòn trong thời gian ngắn, đặc biệt tại những nơi có sự xuất hiện của nước ngưng tụ.

Vì lý do trên, cần có những biện pháp ngăn chặn sự tiếp xúc trực tiếp giữa sản phẩm với gỗ đã được xử lý hóa chất, tránh nước mưa, nước ngưng tụ.

Timber materials are pretreated with chemicals to prevent decay or insects and increase its lifetime. Products when contacting with such materials may occur corrosion in a short time, especially at point of having condensated water.

For sake of this, it is necessary to have methods of preventing direct contact between products with chemical pre-treated timber and condensated water.

Tỷ lệ rỉ sét bề mặt của thép mạ khi tiếp xúc với gỗ được xử lý bằng áp lực
Rust surface ratio of plated steel in contact with pressure treated wood

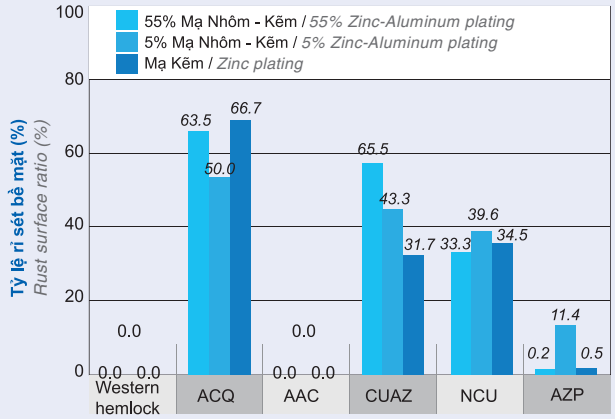

Chất phản ứng xử lý bằng áp lực (Loại gỗ: Western hemlock) *Pressure treated agent (wood: western hemlock)*	Từ viết tắt *Acronym*
• **Đồng, các hợp chất Alkyl ammonium** *Copper, alkyl ammonium compounds*	ACQ
• **Các hợp chất Alkyl ammonium** *Aikyl ammonium compounds*	AAC
• **Đồng, A xít boric, Azole** *Copper, Boric acid, Azole*	CUAZ
• **Đồng, Naphthenate** *Copper, Naphthenate*	NCU
• **Cyproconazole, Propentafos** *Cyproconazole, Propentafos*	AZP
• **Chrome, hợp chất Đồng Arenic** *Chrome, copper arenic compounds*	[CCA]

6. BẢO QUẢN SẢN PHẨM

Product storage

- Đặt cuộn tôn trên giá gỗ, chèn tôn không cho lăn trượt
- Bảo quản trong nhà xưởng nơi khô ráo
- Không nên lưu kho quá 6 tháng
- Tránh tiếp xúc nước mưa và các loại hóa chất khác

- *Keep steel coils on timber stands to prevent sliding.*
- *Store in dry places.*
- *Do not store exceeding 6 months.*
- *Keep away from rainy water and chemicals.*

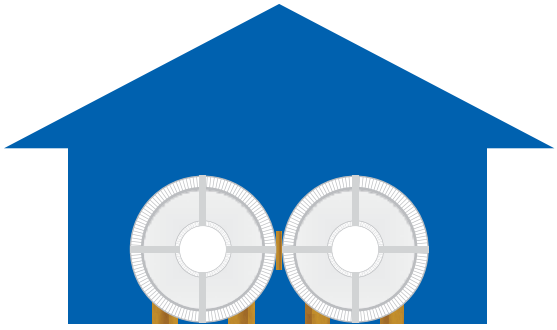

Bảo quản đúng quy cách
Right storage

Bảo quản sai quy cách
Wrong storage

CHỨNG NHẬN & GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG

Quality Awards and Certificates

LIÊN HỆ
Contact

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN MẠ MÀU FUJITON

FUJITON Color Coating Steel JSC

Trụ sở: Đường TS19/ TS21 KCN Tiên Sơn, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Điện thoại: 0222 373 4758 **Hotline:** 0912 376 376

Address: *Road TS19/ TS21, Tien Son Industrial Zone, Dong Nguyen ward, Tu Son town, Bac Ninh Province, Vietnam.*
Tel: *+84 222 373 4758* ***Hotline:*** *+84 912 376 376*

BẢN ĐỒ NHÀ MÁY *Factory Site*

FUJITON®

Hotline: +84 912 376 376

www.fujiton.vn